

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh trên địa bàn thành phố Trà Vinh

Căn cứ Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn thành phố Trà Vinh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng trên địa bàn thành phố Trà Vinh, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người dân.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Về thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời

- Tỷ lệ trẻ từ 6 - 23 tháng tuổi có chế độ ăn đúng, đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 55% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 8% vào năm 2025 và dưới 5% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt (60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025; phần đầu đạt 90% ở khu vực thành thị và 80% ở khu vực nông thôn vào năm 2030).

- Tỷ lệ Trạm Y tế và phòng khám chuyên khoa, tổ chức thực hiện các hoạt động khám và tư vấn bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng,

bệnh lý cho người bệnh đạt 75% đối với tuyến y tế cơ sở vào năm 2025 và phân đầu đạt 100% đối với toàn thành phố vào năm 2030.

- Tỷ lệ xã, phường có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế xã, phường thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

b) Về cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 4% vào năm 2025 và dưới 3,06% vào năm 2030.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2 - 2,5 cm đối với nam và 1,5 - 2 cm đối với nữ so với năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 75% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 50% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030.

c) Về kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành

- Tỷ lệ thừa cân béo phì được kiểm soát: Trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 1%; trẻ 5 - 18 tuổi ở mức dưới 10%; người trưởng thành 19 - 64 tuổi ở mức dưới 20% vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (từ 15 - 49 tuổi) giảm xuống dưới 8 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 7 gam/ngày vào năm 2030.

d) Về cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm xuống dưới 23% vào năm 2025 và dưới 22% vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em từ 6 - 59 tháng tuổi giảm xuống dưới 8% vào năm 2025 và dưới 7% vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh ở trẻ em từ 6 - 59 tháng tuổi giảm xuống dưới 50% vào năm 2025 và dưới 40% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hàng ngày tăng lên trên 80% vào năm 2025 và trên 90% vào năm 2030.

đ) Về nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp và tăng cường nguồn lực thực hiện Kế hoạch này